

## KẾT QUẢ CẮT POLIP ĐẠI TRỰC TRÀNG TẠI BỆNH VIỆN HỮU NGHỊ VIỆT TIỆP

Phạm Văn Nhiên<sup>1</sup>, Phạm Thanh Hải<sup>1</sup>

### TÓM TẮT

Nghiên cứu 173 bệnh nhân polyp đại trực tràng được cắt polyp qua nội soi bằng phương pháp mô tả, tiến cứu chúng tôi thấy Tuổi trung bình của các BN là:  $62,0 \pm 12,6$ , nhiều nhất là nhóm  $\geq 60$  tuổi (64,8%), tỷ lệ nam/ nữ là 1,29/1. Triệu chứng rối loạn về phân và đi ngoài ra máu là triệu chứng thường gặp nhất. BN có một polyp chiếm tỉ lệ 60,6% Thể không cuống nhiều nhất chiếm 43,0%. Vị trí ở TT cao nhất chiếm 37,1%, Tỉ lệ gặp polyp có kích thước 1cm -2cm gặp nhiều nhất chiếm 71,3,1%,. Không chảy máu sau cắt chiếm tỷ lệ cao nhất : 92,8%. Chỉ có 20 trường hợp chảy máu ít chiếm 6,5%, chảy nhiều có 2 BN chiếm tỉ lệ 0,7%. Cắt polyp kết quả trung bình chiếm 7,2%, BN, kết quả tốt chiếm tỉ lệ 92,8%, không có BN kết quả cắt xấu

### SUMMARY

#### SUMMARY RESULTS OF COLORECTAL POLIP CUTTING IN VIETTIEP FRIENDSHIP HOSPITAL

Study on 173 colorectal polyps patients who had polyps covered through endoscopy by descriptive methods, we found that the average age of patients was:  $62.0 \pm 12.6$ ., The most of them were in the group.  $\geq 60$  years old (64.8%), the ratio male / female was 1.29 / 1. Symptoms of a stool disorder and bloody discharge were the

most common symptoms. Patients with a polyp accounted for 60.6% The most non-stemmed body accounted for 43.0%. The highest position in TT is 37.1%, the rate of encountering polyps with size 1cm -2cm is the most common, accounting for 71.3.1%.No post-cut bleeding accounted for the highest percentage: 92.8%. There were only 20 cases of little bleeding, accounting for 6.5%, with heavy bleeding, there were 2 patients, accounting for 0.7%. polyp cut average results accounted for 7.2%, good patients accounted for 92.8% rate without patients with bad cutting results

### I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Polyp đại trực tràng (ĐTT) là một bệnh lý tương đối phổ biến trong nhóm bệnh ở bệnh đường tiêu hóa dưới. Tỉ lệ gặp ở châu Âu nhiều hơn châu Á (châu Âu: 26%, châu Á 12%) [4] [5]. Đã có nhiều nghiên cứu cho thấy hơn 95% ung thư đại trực tràng (UTĐTT) có nguồn gốc từ polyp tuyến ĐTT [1], [2], Cắt polyp đại trực tràng qua nội soi là biện pháp hữu hiệu hạn chế biến chứng ung thư.[3][4] Xuất phát từ tình hình thực tế trên chúng tôi đã tiến hành thực hiện đề tài: “*Kết quả cắt polyp đại trực tràng tại Bệnh viện Hữu Nghị Việt Tiệp* ” nhằm hai mục tiêu

1. *Mô tả đặc điểm lâm sàng, hình ảnh nội soi của polyp đại trực tràng của bệnh nhân tại Bệnh viện Hữu Nghị Việt Tiệp trong thời gian từ 11/2019 đến 10/2020*

2. *Nhận xét kết quả cắt và mô bệnh học polyp đại trực tràng qua nội soi ống mềm ở nhóm bệnh nhân trên*

<sup>1</sup>Trường Đại học Y Dược Hải Phòng

Chịu trách nhiệm chính: Phạm Văn Nhiên

Email: pvnhiem@hpmu.edu.vn

Ngày nhận bài: 23.3.2021

Ngày phản biện khoa học: 21.4.2021

Ngày duyệt bài: 21.5.2021

## II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

+ Những BN được chẩn đoán có polyp ĐTT bằng giải phẫu bệnh và được cắt đốt qua nội soi tại Khoa Nội soi – Thăm dò chức năng, Bệnh viện Hữu Nghị Việt Tiệp Hải Phòng từ 11 /2019 đến 10/2020.

+ Thiết kế nghiên cứu: mô tả cắt ngang, tiến cứu.

+ Cỡ mẫu: Áp dụng phương pháp chọn mẫu không xác suất, lấy mẫu thuận tiện, lấy tất cả các BN đủ tiêu chuẩn trong thời gian nghiên cứu. Chúng tôi đã thu thập được 173 bệnh nhân.

+ Các biến số nghiên cứu: Bao gồm Tuổi và giới, tiền sử bản thân và gia đình. Các triệu chứng lâm sàng: Ỉa máu, Đau bụng,

thiếu máu, rối loạn tiêu hóa. Đặc điểm: polyp dựa trên hình ảnh nội soi. Vị trí, Kích thước. Số lượng: đơn polyp hay đa polyp, có cuống, không có cuống, nửa cuống hay dạng dẹt. Ranh giới polyp: rõ hay không rõ. Bề mặt polyp: nhẵn, sần sùi hay loét, chảy máu. Kết quả cắt polyp đại tràng:

- Tốt: quá trình cắt polip thuận lợi, cắt hết polip, không biến chứng.

- Trung bình: quá trình cắt polip thuận lợi, cắt hết polip, có biến chứng nhẹ sau vài ngày ổn định.

- Xấu: không cắt được polip, hoặc cắt được nhưng không hết, hoặc có biến chứng nặng (chảy máu nhiều, thủng ruột phải can thiệp phẫu thuật...)

## III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN

**Bảng 1: Phân bố bệnh nhân theo nhóm tuổi**

Nhóm tuổi	Nam		Nữ		Tổng		Tuổi trung bình
	n	%	n	%	N	%	
20-29	2	1,2	0	0,0	2	0,7	62,0 ± 12,6
30-39	3	1,7	15	11,2	18	5,9	
40-49	15	8,7	11	8,2	26	8,5	
50-59	34	19,7	28	20,9	62	20,2	
≥60	119	68,8	80	59,7	199	64,8	
<b>Tổng</b>	<b>173</b>	<b>100,0</b>	<b>134</b>	<b>100,0</b>	<b>307</b>	<b>100,0</b>	

Tuổi trung bình của các BN là: 62,0 ± 12,6., Tuổi thấp nhất là 20, tuổi cao nhất là 97. Tuổi gặp nhiều nhất là nhóm ≥ 60 tuổi (64,8%), Tỷ lệ gặp theo giới: Nam 173/307 BN (56,4 %). Nữ 134/307 BN (43,6 %) tỷ lệ nam/ nữ là 1,29/1.

**Bảng 2. Các triệu chứng lâm sàng**

Triệu chứng lâm sàng	n	%
Đi ngoài ra máu	94	30,6
Da xanh, niêm mạc nhợt	28	9,1
Đau bụng	138	45,0
Rối loạn về phân	214	69,7

• Triệu chứng rối loạn về phân và đi ngoài ra máu là triệu chứng thường gặp nhất tỷ lệ 69,7% và 30,6%

**Bảng 3. Số lượng polyp**

Số lượng	n	%
Đơn polyp	186	60,6
Đa polyp	121	39,4
<b>Tổng</b>	<b>307</b>	<b>100</b>

Số BN có một polyp là 186 BN chiếm tỉ lệ 60,6% cao hơn so với đa polyp gặp ở 121 BN chiếm 39,4 %

**Bảng 4. Các thể polyp**

Thể	n	%
Không cuộn	132	43,0
Có cuộn	127	41,1
Bán cuộn	34	11,1
Dạng dẹt	14	4,6
<b>Tổng</b>	<b>307</b>	<b>100</b>

Thể không cuộn gặp nhiều nhất với 132 BN chiếm 43,0%. Sau đó là thể có cuộn gặp ở 127 BN chiếm 41,1%. Thể bán cuộn chiếm 34 BN 11,1%, dạng dẹt là ít nhất chiếm 14 BN 4,6%

**Bảng 5. Vị trí polyp đại trực tràng**

Vị trí polyp	n	%
Manh tràng	15	4,9
Đại tràng lên	19	6,2
Đại tràng ngang	34	11,1
Đại tràng xuống	15	4,9
Đại tràng sigma	85	27,7
Trực tràng	114	37,1
Ổng hậu môn	4	1,3
Nhiều vị trí	21	6,8
<b>Tổng</b>	<b>307</b>	<b>100</b>

Tỉ lệ polyp gặp ở TT cao nhất chiếm 114 BN 37,1%, sau đó đến đại tràng sigma chiếm 85 trường hợp 27,7%, vị trí ít gặp nhất là ống hậu môn gặp ở 4 BN chiếm tỉ lệ 1,3%. Polyp gặp ở nhiều vị trí cũng chiếm 21 BN 6,8%

**Bảng 6. Kích thước polyp**

Kích thước polyp	Đường kính đầu			Đường kính cuộn			Độ dài cuộn		
	1cm	1-2cm	>2cm	<1cm	1-2cm	>2cm	<1cm	1-2cm	>2cm
n	71	219	17	72	55	0	67	58	2
%	23,1	71,3	5,5	56,7	46,3	0,0	52,3	42,7	1,6
<b>Tổng</b>	<b>n = 307</b>			<b>n = 127</b>			<b>n = 127</b>		
	<b>100</b>			<b>100</b>			<b>100</b>		

Tỉ lệ gặp polyp có kích thước 1cm -2cm gặp nhiều nhất 219 BN chiếm 71,3,1%, polyp có kích thước lớn hơn 2cm gặp ít nhất 17 BN chiếm 5,5%

- Tỉ lệ gặp polyp đường kính cuống 1cm nhiều nhất 104 BN 33,9% thấp nhất > 2cm gặp không có BN nào chiếm 0,0%.

- Tỉ lệ gặp độ dài cuống 1cm là nhiều nhất 67 BN chiếm 52,3% thấp nhất

**Bảng 7. Đặc điểm bề mặt polyp**

Bề mặt polyp	n	%
Nhẵn	244	79.5
Sần sùi	44	14.3
Chảy máu	11	3.6
Loét	8	2.6
<b>Tổng</b>	<b>307</b>	<b>100</b>

Bề mặt polyp quan sát được trên nội soi có 244 BN (79,5%) có bề mặt nhẵn, màu sắc gần giống màu sắc của niêm mạc ĐTT, 44 BN (14,3%) có bề mặt sần sùi, một số polyp có dạng múi, có 8 BN (2,6%) có loét ở phần đầu polyp, chảy máu có 11 BN (3,6%)

**Bảng 8. Tình trạng chảy máu sau cắt**

Tình trạng chảy máu	Số BN	n	%
Chảy nhiều		2	0,7
Chảy ít		20	6,5
Không chảy		285	92,8
<b>Tổng</b>		<b>307</b>	<b>100</b>

Không chảy máu sau cắt chiếm tỷ lệ cao nhất : 92,8%. Chỉ có 20 trường hợp chảy máu ít chiếm 6,5%, chảy nhiều có 2 BN chiếm tỉ lệ 0,7%

**Bảng 9. Kết quả cắt polyp**

Kết quả cắt polyp	n	%
Tốt	285	92,8
Trung bình	22	7,2
Xấu	0	0,0
<b>Tổng</b>	<b>307</b>	<b>100</b>

Trong nghiên cứu chúng tôi có 307 BN được cắt polyp chỉ có 22 BN cắt polyp kết quả trung bình chiếm 7,2%, BN cắt tốt chiếm tỉ lệ 92,8% không có BN cho kết quả cắt xấu

## V. KẾT LUẬN

Nghiên cứu 173 bệnh nhân polip đại trực tràng được cắt polip qua nội soi tại bệnh viện hữu nghị Việt Tiệp, chúng tôi thấy: Tuổi

trung bình của các BN là:  $62,0 \pm 12,6$ , nhiều nhất là nhóm  $\geq 60$  tuổi (64,8%), tỷ lệ nam/nữ là 1,29/1. Triệu chứng rối loạn về phân và đi ngoài ra máu là triệu chứng thường gặp

nhất. BN có một polyp chiếm tỉ lệ 60,6%  
Thể không cuống nhiều nhất chiếm 43,0%.  
Vị yті ở TT cao nhất chiếm 37,1%, Tỉ lệ gặp  
polyp có kích thước 1cm -2cm gặp nhiều  
nhất chiếm 71,3,1%,.

Không chảy máu sau cắt chiếm tỷ lệ cao  
nhất: 92,8%. Chỉ có 20 trường hợp chảy máu  
ít chiếm 6,5%, chảy nhiều có 2 BN chiếm tỉ  
lệ 0,7%. Cắt polyp kết quả trung bình chiếm  
7,2%, BN cắt tốt chiếm tỉ lệ 92,8% không có  
BN cho kết quả cắt xấu

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Võ Hồng Minh Công (2015)**. Nghiên cứu đặc  
điểm lâm sàng, nội soi mô bệnh học, biểu lộ  
protein p53, Ki67, Her-2/neu trong ung thư và  
polyp đại trực tràng lớn hơn hoặc bằng 10  
mm. Luận án Tiến sĩ Y học Học viện Quân Y
2. **Lê Văn Thiệu (2016)**. Hình ảnh nội soi và kết  
quả điều trị polyp tuyến đại trực tràng tại  
bệnh viện Việt Tiệp Hải Phòng. Tạp chí Y  
học thực hành, 1004: p. tr 5-8.
3. **Trần Quang Hiệp (2010)**. Nghiên cứu ứng  
dụng nội soi cắt polyp ĐTT bằng thông lọng  
điện”. luận văn chuyên khoa II. Tr75-140. p.  
Tr75-140.
4. **Click B, và cộng sự (2018)**. Association of  
Colonoscopy Adenoma Findings with Long-  
term Colorectal Cancer Incidence. JAMA.  
319: p. 2021.
5. **Gupta S, Anderson JC, và cộng sự (2020)**.  
Các khuyến nghị để theo dõi sau khi nội soi  
và cắt polyp: Cập nhật đồng thuận của Lực  
lượng đặc nhiệm đa xã hội Hoa Kỳ về ung thư  
đại trực tràng. Tiêu hóa Endosc, 91 :p. 463.